

NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY NGỮ DỤNG HỌC TIẾNG TRUNG: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Trần Thị Phương Thu

Khoa Ngôn ngữ Văn hóa Trung Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN

Tóm tắt: Bài viết nêu tổng quan về thực trạng nghiên cứu và giảng dạy ngữ dụng học trong lĩnh vực tiếng Trung. Nghiên cứu chỉ ra rằng mặc dù ngữ dụng học đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển năng lực giao tiếp tiếng Trung, các nghiên cứu trong lĩnh vực này còn khá hạn chế cả về số lượng và phạm vi. Về mặt giảng dạy, ngữ dụng học chưa được chú trọng đúng mức trong chương trình đào tạo tiếng Trung do nhiều nguyên nhân như: hạn chế về thời lượng, thiếu tài liệu giảng dạy phù hợp và đội ngũ giáo viên chưa được đào tạo chuyên sâu. Nghiên cứu đề xuất một số giải pháp như: tích hợp nội dung ngữ dụng học vào chương trình giảng dạy từ giai đoạn đầu, nâng cao năng lực chuyên môn cho giáo viên, phát triển tài liệu giảng dạy chuyên biệt, tăng cường nghiên cứu và hợp tác quốc tế, đổi mới phương pháp đánh giá và tận dụng công nghệ trong giảng dạy.

Từ khóa: ngữ dụng học, tiếng Trung, nghiên cứu, giảng dạy, giải pháp

RESEARCH AND TEACHING OF PRAGMATICS IN CHINESE LANGUAGE: CURRENT STATUS AND SOLUTIONS

Tran Thi Phuong Thu

Faculty of Chinese Language and Culture, University of Languages And International Studies, Vietnam
National University

Abstract: This article provides an overview of the current status of research and teaching of pragmatics in the field of Chinese language. The study indicates that although pragmatics plays an important role in developing Chinese communication skills, research in this area is still quite limited in both quantity and scope. In terms of teaching, pragmatics has not been given adequate attention in the Chinese language training programs due to several reasons, such as time constraints, lack of suitable teaching materials, and a teaching staff that has not been extensively trained. The study proposes several solutions, including: integrating pragmatics content into the curriculum from the early stages, enhancing the professional capacity of teachers, developing specialized teaching materials, increasing research and international collaboration, innovating assessment methods, and leveraging technology in teaching.

Keywords: pragmatics, Chinese language, research, teaching, solutions

Nhận bài: 08/11/2024

Phản biện: 29/11/2024

Duyệt đăng: 02/12/2024

I. CƠ SỞ LÝ LUẬN

Ngữ dụng học (Pragmatics) trong giảng dạy ngoại ngữ nói chung và tiếng Trung nói riêng đã trở thành một lĩnh vực nghiên cứu quan trọng trong những thập kỷ gần đây. Theo Crystal (1997), ngữ dụng học được định nghĩa là nghiên cứu ngôn ngữ từ góc độ người sử dụng, đặc biệt là những lựa chọn họ thực hiện, những ràng buộc họ gặp phải khi sử dụng ngôn ngữ trong tương tác xã hội, và tác động của việc sử dụng ngôn ngữ đối với những người tham gia khác trong quá trình giao tiếp.

Trong bối cảnh giảng dạy tiếng Trung như một ngoại ngữ, Kasper và Schmidt (1996) nhấn mạnh rằng người học cần phát triển không chỉ năng lực ngữ pháp mà còn cả năng lực ngữ dụng để có thể giao tiếp hiệu quả. Năng lực ngữ dụng bao gồm hai khía cạnh chính: ngữ dụng ngôn ngữ học (pragmalinguistics) và ngữ dụng xã hội học (sociopragmatics). Theo Leech (1983) và Thomas (1983), ngữ dụng ngôn ngữ học liên quan đến các chiến lược ngôn ngữ để thực hiện một hành động

lời nói, trong khi ngữ dụng xã hội học tập trung vào các yếu tố xã hội và ngữ cảnh ảnh hưởng đến việc lựa chọn các chiến lược này.

Trong nghiên cứu về ngữ dụng học giữa các ngôn ngữ (Interlanguage Pragmatics - ILP), Bardovi-Harlig (2013) chỉ ra rằng việc học ngữ dụng tiếng Trung có những thách thức đặc thù do sự khác biệt văn hóa và ngôn ngữ giữa tiếng Trung và các ngôn ngữ khác. Ví dụ, việc sử dụng các chiến lược lịch sự, cách thức thực hiện các hành động lời nói như yêu cầu, từ chối, cảm ơn trong tiếng Trung có những đặc điểm riêng biệt phản ánh các giá trị văn hóa truyền thống của Trung Quốc.

Yang và Zhu (2016) nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tích hợp giảng dạy ngữ dụng học vào chương trình học tiếng Trung ngay từ giai đoạn đầu. Họ lập luận rằng việc phát triển năng lực ngữ dụng nên được xem như một mục tiêu quan trọng không kém gì việc phát triển các kỹ năng ngôn ngữ khác như ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp.

Từ góc độ phương pháp giảng dạy, Winke và Teng (2010) đề xuất việc sử dụng các hoạt động nâng cao nhận thức ngữ dụng (pragmatic consciousness-raising activities) trong lớp học tiếng Trung. Các hoạt động này giúp người học nhận biết được các đặc điểm ngữ dụng của tiếng Trung và hiểu được mối quan hệ giữa hình thức ngôn ngữ và chức năng giao tiếp trong các ngữ cảnh khác nhau.

Qua các nghiên cứu trên có thể thấy, ngữ dụng học đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển năng lực giao tiếp tiếng Trung. Việc nghiên cứu và giảng dạy ngữ dụng học tiếng Trung không chỉ giúp người học sử dụng ngôn ngữ chính xác về mặt ngữ pháp mà còn phù hợp về mặt văn hóa và xã hội, từ đó nâng cao hiệu quả giao tiếp trong các tình huống thực tế.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Thực trạng nghiên cứu ngữ dụng học tiếng Trung

Trong lĩnh vực nghiên cứu tiếng Trung, các công trình về ngữ dụng học bắt đầu xuất hiện muộn và còn khá hạn chế về số lượng. Theo tổng quan của Hong (1997, 2011), nghiên cứu đầu tiên về ngữ dụng học trong tiếng Trung tập trung vào hành vi yêu cầu, và từ đó đến nay, số lượng nghiên cứu vẫn chưa tương xứng với tầm quan trọng của lĩnh vực này. Li và Taguchi (2014) cũng chỉ ra rằng trong khi nghiên cứu ngữ dụng học trong các ngôn ngữ khác như tiếng Anh đã phát triển mạnh mẽ, các công trình về tiếng Trung vẫn còn khá khiêm tốn về cả số lượng và phạm vi nghiên cứu.

Về phương pháp nghiên cứu, Yuan (2001) đã thực hiện một phân tích quan trọng về các công cụ thu thập dữ liệu trong nghiên cứu ngữ dụng học tiếng Trung. Tác giả so sánh hiệu quả của các phương pháp như bài kiểm tra hoàn thành diễn ngôn dạng viết, dạng nói, ghi chép thực địa và hội thoại tự nhiên. Kết quả cho thấy mỗi phương pháp đều có những ưu điểm và hạn chế riêng, trong đó DCT tuy được sử dụng phổ biến nhưng không thể thay thế hoàn toàn cho việc nghiên cứu tương tác tự nhiên.

Về nội dung nghiên cứu, Wen (2014) đã tiến hành một nghiên cứu quan trọng về sự phát triển ngữ dụng của người học tiếng Trung thông qua việc phân tích cách sử dụng các chiến lược yêu cầu. Nghiên cứu này đã chỉ ra một phát hiện đáng chú ý: mức độ thành thạo ngôn ngữ có mối tương quan tích cực với sự phát triển ngữ dụng, tuy nhiên, ngay cả những học viên có trình độ cao vẫn

thể hiện sự khác biệt đáng kể so với người bản ngữ trong việc sử dụng các phương tiện ngôn ngữ để thể hiện yêu cầu.

Jin (2012, 2015) đã đóng góp một cách tiếp cận mới thông qua nghiên cứu dân tộc học về việc học các hành vi khen ngợi và đáp lại lời khen trong tiếng Trung. Thông qua việc theo dõi sinh viên Mỹ học tiếng Trung tại Thượng Hải, Jin đã làm sáng tỏ vai trò của các yếu tố như động cơ học tập, bản sắc văn hóa và cơ hội tương tác xã hội trong việc phát triển năng lực ngữ dụng.

Taguchi, Li và Liu (2013) đã mở rộng phạm vi nghiên cứu sang lĩnh vực hiểu hàm ý trong giao tiếp tiếng Trung. Nghiên cứu này đã chỉ ra rằng khả năng hiểu hàm ý của người học phụ thuộc vào nhiều yếu tố phức tạp, không chỉ liên quan đến trình độ ngôn ngữ mà còn cả khả năng xử lý thông tin và kiến thức văn hóa-xã hội.

Qua phân tích thực trạng nghiên cứu trên, có thể thấy mặc dù đã có những tiến bộ đáng kể, lĩnh vực ngữ dụng học tiếng Trung vẫn còn nhiều khoảng trống cần được lấp đầy. Đặc biệt là nhu cầu về các nghiên cứu dọc quy mô lớn, các nghiên cứu về tương tác tự nhiên, và các nghiên cứu tích hợp nhiều phương pháp thu thập dữ liệu khác nhau.

2.2. Thực trạng giảng dạy ngữ dụng học tiếng Trung

Hiện nay, thực trạng giảng dạy ngữ dụng học trong chương trình tiếng Trung đang đối mặt với nhiều thách thức. Yang và Zhu (2016) đã chỉ ra rằng trong hầu hết các chương trình giảng dạy tiếng Trung, ngữ dụng học thường không được chú trọng đúng mức. Nguyên nhân chính là do thời lượng trên lớp thường được ưu tiên cho việc giảng dạy ngữ pháp và từ vựng, trong khi các yếu tố ngữ dụng chỉ được đề cập một cách ngẫu nhiên hoặc không có kế hoạch cụ thể.

Về phương diện đội ngũ giảng viên, theo nghiên cứu của Li (2014), nhiều giáo viên tiếng Trung chưa được đào tạo chuyên sâu về ngữ dụng học. Điều này dẫn đến tình trạng giáo viên thiếu tự tin hoặc không có đủ công cụ để giảng dạy các khía cạnh ngữ dụng của ngôn ngữ một cách hiệu quả. Hơn nữa, nhiều giáo viên gặp khó khăn trong việc giải thích và minh họa các hiện tượng ngữ dụng phức tạp, đặc biệt là những khía cạnh liên quan đến văn hóa và quy tắc xã hội.

Về tài liệu giảng dạy, Jin (2012) đã phân tích nội dung ngữ dụng trong các giáo trình tiếng Trung phổ biến hiện nay. Kết quả cho thấy các tài liệu này thường không cung cấp đủ ngữ liệu thực

tế và các hoạt động thực hành phù hợp để phát triển năng lực ngữ dụng cho người học. Các bài tập và hoạt động trong giáo trình thường tập trung vào việc luyện tập cấu trúc ngữ pháp mà không chú ý đến ngữ cảnh sử dụng và tính phù hợp về mặt ngữ dụng.

Zhang và Yu (2008) đã nghiên cứu về thực trạng giảng dạy ngữ dụng trong các chương trình tiếng Trung tại nước ngoài. Họ phát hiện rằng mặc dù giáo viên và học viên đều nhận thức được tầm quan trọng của năng lực ngữ dụng, nhưng việc giảng dạy vẫn chủ yếu tập trung vào ngữ pháp và từ vựng do áp lực của chương trình học và kỳ thi.

Tình hình trên cho thấy cần có những giải pháp toàn diện để cải thiện việc giảng dạy ngữ dụng học tiếng Trung. Các giải pháp này cần bao gồm việc nâng cao năng lực chuyên môn của giáo viên, phát triển tài liệu giảng dạy phù hợp, xây dựng phương pháp giảng dạy hiệu quả, và tận dụng công nghệ một cách hợp lý. Đặc biệt, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu và thực tiễn giảng dạy để đảm bảo các phát hiện nghiên cứu được ứng dụng hiệu quả vào thực tế lớp học.

2.3. Môi trường học tập và kết quả đạt được trong việc phát triển năng lực ngữ dụng học tiếng Trung

Môi trường học tập đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển năng lực ngữ dụng học tiếng Trung. Hiện nay, có hai môi trường học tập chính được nghiên cứu: môi trường học tập tại nước ngoài (du học) và môi trường học tập trong nước. Taguchi, Li và Xiao (2013) đã thực hiện một nghiên cứu sâu rộng về việc sử dụng các biểu thức công thức trong tiếng Trung của 31 sinh viên Mỹ trong chương trình du học 10 tuần tại Trung Quốc. Kết quả cho thấy người học đã có sự tiến bộ đáng kể về độ chính xác, độ trôi chảy và tần suất sử dụng các biểu thức công thức trong giao tiếp hàng ngày.

Tuy nhiên, Zhang và Yu (2008) lại đưa ra những phát hiện khác biệt khi nghiên cứu về khả năng thực hiện hành vi yêu cầu của người học tiếng Trung. Trong nghiên cứu của họ, nhóm sinh viên du học tại Trung Quốc 8 tuần không thể hiện ưu thế rõ rệt so với nhóm học trong nước về khả năng sử dụng các chiến lược yêu cầu phù hợp về mặt ngữ dụng. Điều này cho thấy thời gian lưu trú ngắn hạn tại môi trường ngôn ngữ đích có thể chưa đủ để tạo ra sự khác biệt có ý nghĩa trong năng lực ngữ dụng.

Li (2014) đã tiến hành một nghiên cứu so sánh

về sự phát triển năng lực ngữ dụng giữa hai nhóm học viên có trình độ khác nhau trong môi trường du học. Kết quả cho thấy cả hai nhóm đều cải thiện đáng kể về độ chính xác trong việc sử dụng các chiến lược yêu cầu, nhưng nhóm có trình độ cao hơn thể hiện sự tiến bộ rõ rệt hơn về tốc độ xử lý ngữ dụng.

Winke và Teng (2010) đã đề xuất và thực nghiệm một mô hình kết hợp giữa học tập trên lớp và tương tác thực tế trong môi trường du học. Mô hình này nhấn mạnh vai trò của việc hướng dẫn có hệ thống kết hợp với cơ hội thực hành trong môi trường tự nhiên. Kết quả cho thấy sự kết hợp này mang lại hiệu quả tích cực trong việc phát triển năng lực ngữ dụng của người học.

Tổng hợp các nghiên cứu trên cho thấy môi trường học tập đóng vai trò quan trọng nhưng không phải là yếu tố duy nhất quyết định sự phát triển năng lực ngữ dụng. Hiệu quả học tập phụ thuộc vào sự tương tác phức tạp giữa nhiều yếu tố, bao gồm chất lượng đầu vào ngôn ngữ, cơ hội thực hành, phương pháp giảng dạy, và đặc điểm cá nhân của người học. Điều này gợi ý rằng cần có cách tiếp cận tổng hợp trong việc thiết kế và tổ chức môi trường học tập, nhằm tối ưu hóa cơ hội phát triển năng lực ngữ dụng cho người học tiếng Trung.

2.4. Đề xuất giải pháp và hướng phát triển

Từ việc phân tích thực trạng nghiên cứu và giảng dạy ngữ dụng học tiếng Trung, có thể thấy cần thiết phải có những giải pháp đồng bộ và toàn diện để cải thiện tình hình hiện nay. Trước hết, về phương diện giảng dạy, Yang và Zhu (2016) đề xuất việc tích hợp nội dung ngữ dụng học vào chương trình giảng dạy tiếng Trung ngay từ giai đoạn đầu. Điều này đòi hỏi sự thay đổi căn bản trong cách tiếp cận giảng dạy, không chỉ tập trung vào ngữ pháp và từ vựng mà cần chú trọng phát triển các kỹ năng giao tiếp thực tế cho người học.

Về đội ngũ giảng viên, Li (2014) nhấn mạnh tầm quan trọng của việc nâng cao năng lực chuyên môn. Các cơ sở đào tạo cần tổ chức thường xuyên các khóa bồi dưỡng chuyên sâu về ngữ dụng học, tạo điều kiện cho giảng viên cập nhật kiến thức và phương pháp giảng dạy mới. Đồng thời, cần xây dựng các mạng lưới hợp tác giữa giảng viên trong và ngoài nước để tạo môi trường trao đổi chuyên môn hiệu quả.

Jin (2012) đề xuất việc phát triển hệ thống tài liệu giảng dạy chuyên biệt cho ngữ dụng học tiếng Trung. Các tài liệu này cần đảm bảo tính thực tiễn,

phản ánh đúng đặc điểm văn hóa-xã hội của ngôn ngữ đích, đồng thời phù hợp với nhu cầu và đặc điểm của người học. Việc phát triển tài liệu cần được thực hiện dựa trên kết quả nghiên cứu thực nghiệm và phản hồi từ thực tiễn giảng dạy.

Taguchi và Li (2014) đề xuất việc đẩy mạnh các hướng nghiên cứu mới về ngữ dụng học tiếng Trung. Đặc biệt cần chú trọng các nghiên cứu dọc về quá trình phát triển năng lực ngữ dụng, nghiên cứu về hiệu quả của các phương pháp giảng dạy trong các môi trường học tập khác nhau. Các nghiên cứu này cần được thực hiện với phương pháp luận chặt chẽ và quy mô đủ lớn để có thể rút ra những kết luận có ý nghĩa.

Zhang và Yu (2008) nhấn mạnh vai trò của hợp tác quốc tế trong việc phát triển lĩnh vực ngữ dụng học tiếng Trung. Các dự án hợp tác nghiên cứu, trao đổi giảng viên và sinh viên giữa các quốc gia sẽ góp phần làm phong phú thêm kiến thức và kinh nghiệm trong lĩnh vực này. Đặc biệt, cần tăng cường hợp tác với các cơ sở đào tạo tại Trung Quốc để tận dụng nguồn lực và kinh nghiệm của họ.

Trong bối cảnh công nghệ phát triển mạnh mẽ, Yang (2016) đề xuất việc tăng cường ứng dụng công nghệ trong giảng dạy ngữ dụng học. Việc phát triển các ứng dụng và nền tảng học tập trực tuyến không chỉ giúp tăng cường tính tương tác

trong học tập mà còn tạo điều kiện cho người học tiếp cận với nhiều nguồn tài liệu và cơ hội thực hành đa dạng.

Wen (2014) đề xuất việc đổi mới phương pháp đánh giá năng lực ngữ dụng tiếng Trung. Hệ thống đánh giá mới cần đảm bảo tính toàn diện, không chỉ đánh giá kiến thức ngôn ngữ mà còn đánh giá được khả năng sử dụng ngôn ngữ phù hợp trong các ngữ cảnh giao tiếp thực tế. Điều này đòi hỏi sự phát triển các công cụ đánh giá mới, phù hợp với đặc thù của năng lực ngữ dụng.

Cuối cùng, Winke và Teng (2010) nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tạo lập môi trường học tập tích cực. Điều này bao gồm việc tổ chức các hoạt động ngoại khóa, tạo cơ hội giao lưu với người bản ngữ, và xây dựng các không gian học tập tương tác. Môi trường học tập tích cực sẽ tạo động lực và cơ hội cho người học phát triển năng lực ngữ dụng một cách tự nhiên và hiệu quả.

III. KẾT LUẬN

Những đề xuất trên cần được thực hiện đồng bộ và có lộ trình cụ thể, với sự tham gia tích cực của các bên liên quan, từ các nhà nghiên cứu, giảng viên, đến các cơ sở đào tạo và tổ chức giáo dục. Chỉ khi đó, việc nghiên cứu và giảng dạy ngữ dụng học tiếng Trung mới có thể đạt được những bước tiến đáng kể, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo tiếng Trung trong thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bardovi-Harlig, K. (2013). *Developing L2 pragmatics*. *Language Learning*, 63, 68-86.
- Crystal, D. (1997). *The Cambridge encyclopedia of language (2nd ed.)*. Cambridge University Press.
- Hong, W. (1997). *Sociopragmatics in language teaching: With examples of Chinese requests*. *Journal of the Chinese Language Teachers Association*, 32(1), 95-107.
- Hong, W. (2011). *Refusals in Chinese: How do L1 and L2 differ? Foreign Language Annals*, 44(1), 122-136.
- Jin, L. (2012). *When in China, do as the Chinese do? Learning compliment responding in a study abroad program*. *Chinese as a Second Language Research*, 1(2), 211-240.
- Jin, L. (2015). *Developing Chinese complimenting in a study abroad program*. *Chinese Journal of Applied Linguistics*, 38(3), 277-300.
- Kasper, G., & Schmidt, R. (1996). *Developmental issues in interlanguage pragmatics*. *Studies in Second Language Acquisition*, 18, 149-169.
- Leech, G. (1983). *Principles of pragmatics*. Longman.
- Li, S. (2014). *The effects of different levels of linguistic proficiency on the development of L2 Chinese request production during study abroad*. *System*, 45, 103-116.
- Li, S., & Taguchi, N. (2014). *The effects of practice modality on pragmatic development in L2 Chinese*. *The Modern Language Journal*, 98(3), 794-812.
- Taguchi, N., Li, S., & Liu, Y. (2013). *Comprehension of conversational implicature in L2 Chinese*. *Pragmatics & Cognition*, 21(1), 139-157.
- Taguchi, N., Li, S., & Xiao, F. (2013). *Production of formulaic expressions in L2 Chinese: A developmental investigation in a study abroad context*. *Chinese as a Second Language Research*, 2(1), 23-58.
- Thomas, J. (1983). *Cross-cultural pragmatic failure*. *Applied Linguistics*, 4(2), 91-112.
- Wen, X. (2014). *Pragmatic development: An exploratory study of requests by learners of Chinese*. In Z. Han (Ed.), *Studies in second language acquisition of Chinese* (pp. 30-56). *Multilingual Matters*.
- Winke, P. M., & Teng, C. (2010). *Using task-based pragmatics tutorials while studying abroad in China*. *Intercultural Pragmatics*, 7(2), 363-399.